

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-7-2022.

“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn giữa chị Ngô Thị
Hong Đ và anh Trương Văn H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Hồng Đ, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 10B ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Chị Đ có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 79B, ấp V, xã T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Anh H vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng Đ trình bày: Năm 2020, chị Đ và anh H sống chung như vợ chồng, đến ngày 14/5/2020 chị Đ và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2020, ngày 14/5/2020. Khi vợ chồng chung sống với nhau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không phù hợp, anh H

thường xuyên nhậu nhẹt rồi có lời lẽ xúc phạm chị Đ dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Đ đã cố gắng dung hòa để giữ tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Và vợ chồng chị Đ, anh H không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2020 đến nay. Hiện chị Đ không còn tình cảm với anh H nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh H.

Quá trình sống chung, chị Đ và anh H có 01 con chung tên Trương Khải M, sinh ngày 18/8/2020. Từ khi vợ chồng chị Đ và anh H không còn chung sống với nhau thì cháu M sống cùng và do mẹ là chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn H; Về con chung, chị Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu M cùng chị Đ; Về tài sản chung, nợ chung, chị Đ không yêu cầu giải quyết. Chị Đ khẳng định anh H biết rõ việc chị Đ yêu cầu và được Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa chị và anh H, nhưng anh H cố tình tránh mặt, anh H có nói với chị Đ đồng ý ly hôn nhưng không muốn đến Tòa án giải quyết và giao phó mọi việc cho chị Đ.

Bị đơn là anh Trương Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án. Nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh H cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, chị Ngô Thị Hồng Đ và anh Trương Văn H là vợ chồng có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận, chị Đ và anh H sống hạnh phúc đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và thật sự ly thân từ đó đến nay, với nguyên nhân là bất đồng ý kiến trong cuộc sống vợ chồng. Anh H vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh H không có ý định hàn gắn với chị Đ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngô Thị Hồng Đ và anh Trương Văn H trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở. Vợ chồng chị Đ, anh H có 01 (một) con chung tên Trương Khải M, sinh ngày 18/8/2020. Xét thấy cháu M còn

nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và đang do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, nên việc giao con chung là Trương Khải M cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh H vắng mặt không có ý kiến đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung và chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân, chị Ngô Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Trương Văn H; Về con chung: Giao con chung tên Trương Khải M, sinh ngày 18/8/2020 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, do chị Đ không có yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Ngô Thị Hồng Đ xin ly hôn anh Trương Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Đ và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh H có địa chỉ thường trú tại số 79B, ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Nên Tòa án nhân dân huyện LV thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Ngô Thị Hồng Đ và anh Trương Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An có Giấy chứng nhận kết hôn số 41 là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị Đ và anh H đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tuy nhiên, sau khi cưới chị Đ và anh H sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đó, nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh H, chị Đ đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H tại địa chỉ mà chị Đ đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Anh H cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị Đ trong vụ án, cũng như thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/5/2022 của Tòa án đối với vụ án. Nhưng anh H không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh H phải tự chịu. Hành động của anh H đã cho thấy anh H không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị Đ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận định chị Đ và anh H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng Đ để giải quyết cho vợ chồng chị Đ và anh H ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh H có 01 con chung tên Trương Khải M, sinh ngày 18/8/2020. Hiện cháu M đang sống cùng và do mẹ là chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M phát triển bình thường về thể lực, trí lực so với những đứa trẻ cùng độ tuổi. Sự việc này do chị Đ trình bày nhưng anh H đã không đưa ra ý kiến phản bác trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho thấy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ để xác định cháu M là con chung của chị Đ, anh H, hiện cháu M đang sống cùng và do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Đến nay, cháu M vẫn phát triển bình thường cho thấy chị Đ đã đảm bảo được điều kiện để được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và hiện cháu M còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ về nuôi con chung, cụ thể giao con chung là cháu M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định.

Do chị Đ không yêu cầu, anh H không có ý kiến về việc đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu M cùng chị Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị Đ và anh H.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 81; Anh H có nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82; Chị Đ là người trực tiếp nuôi con sẽ có các nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được quy định tại Điều 83

Luật Hôn nhân và gia đình. Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Ngô Thị Hồng Đ và anh Trương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Ngô Thị Hồng Đ và anh Trương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Ngô Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Hồng Đ và anh Trương Văn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trương Khải M, sinh ngày 18/8/2020 cho chị Ngô Thị Hồng Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện cháu M đang sống chung và do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Trương Văn H không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu M cùng chị Đ.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Ngô Thị Hồng Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trương Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh Trương Văn H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Ngô Thị Hồng Đ.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Ngô Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008688 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV (Chị Đ đã nộp đủ án phí).

Chị Ngô Thị Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CC.THADS huyện LV;
- UBND xã P,
- huyện C, tỉnh Long An;
- (GCNKH số 41 ngày 14/5/2020)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân